

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Tổng chỉ tiêu dự kiến: 3799

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15
1	ĐH	7140101	Giáo dục học	100	xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT 2024	28 - 39	B00		C00		C01		D01	
2	ĐH	7140114	Quản lý giáo dục	100		20 - 28	A01		C00		D01		D14	
3	ĐH	7220201	Ngôn ngữ Anh	100		88 - 121	D01	Tiếng Anh						
4	ĐH	7220201_CLC	Ngôn ngữ Anh_ Chuẩn quốc tế	100		52 - 72	D01	Tiếng Anh						
5	ĐH	7220202	Ngôn ngữ Nga	100		24 - 33	D01	Tiếng Anh	D02	Tiếng Nga				
6	ĐH	7220203	Ngôn ngữ Pháp	100		32 - 44	D01	Tiếng Anh	D03	Tiếng Pháp				
7	ĐH	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100		62 - 86	D01	Tiếng Anh	D04	Tiếng Trung				
8	ĐH	7220204_CLC	Ngôn ngữ Trung Quốc_ Chuẩn quốc tế	100		30 - 42	D01	Tiếng Anh	D04	Tiếng Trung				
9	ĐH	7220205	Ngôn ngữ Đức	100		20 - 28	D01	Tiếng Anh	D05	Tiếng Đức				
10	ĐH	7220205_CLC	Ngôn ngữ Đức_ Chuẩn quốc tế	100		16 - 22	D01	Tiếng Anh	D05	Tiếng Đức				
11	ĐH	7220206	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	100		20 - 28	D01	Tiếng Anh	D03	Tiếng Pháp	D05	Tiếng Đức		
12	ĐH	7220208	Ngôn ngữ Italia	100		20 - 28	D01	Tiếng Anh	D03	Tiếng Pháp	D05	Tiếng Đức		
13	ĐH	7229001	Triết học	100		20 - 28	A01		C00		D01		D14	
14	ĐH	7229009	Tôn giáo học	100		20 - 28	C00		D01		D14			

15	ĐH	7229010	Lịch sử	100
16	ĐH	7229020	Ngôn ngữ học	100
17	ĐH	7229030	Văn học	100
18	ĐH	7229040	Văn hóa học	100
19	ĐH	7310206	Quan hệ quốc tế	100
20	ĐH	7310206_CLC	Quan hệ quốc tế _ Chuẩn quốc tế	100
21	ĐH	7310301	Xã hội học	100
22	ĐH	7310302	Nhân học	100
23	ĐH	7310401	Tâm lý học	100
24	ĐH	7310403	Tâm lý học giáo dục	100
25	ĐH	7310501	Địa lý học	100
26	ĐH	7310608	Đông phương học	100
27	ĐH	7310613	Nhật Bản học	100
28	ĐH	7310613_CLC	Nhật Bản học Chuẩn quốc tế	100
29	ĐH	7310614	Hàn Quốc học	100
30	ĐH	7310630	Việt Nam học	100
31	ĐH	7320101	Báo chí	100
32	ĐH	7320101_CLC	Báo chí_Tăng cường tiếng Anh	100
33	ĐH	7320104	Truyền thông đa phương tiện	100
34	ĐH	7320201	Thông tin – thư viện	100
35	ĐH	7320205	Quản lý thông tin	100
36	ĐH	7320303	Lưu trữ học	100
37	ĐH	7340406	Quản trị văn phòng	100
38	ĐH	7580112	Đô thị học	100
39	ĐH	7760101	Công tác xã hội	100
40	ĐH	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100

40 - 55	C00	Lịch sử	D01		D14	Lịch sử	D15	
32 - 44	C00	Ngữ văn	D01	Ngữ văn	D14	Ngữ văn		
50 - 69	C00	Ngữ văn	D01	Ngữ văn	D14	Ngữ văn		
34 - 47	C00		D01		D14		D15	
48 - 66	D01		D14					
36 - 50	D01		D14					
60 - 83	A00		C00		D01		D14	
24 - 33	C00		D01		D14		D15	
50 - 69	B00		C00		D01		D14	
20 - 28	B00		B08		D01		D14	
38 - 53	A01		C00	Địa lý	D01		D15	Địa lý
70 - 97	D01		D04		D14			
40 - 55	D01		D06	Tiếng Nhật	D14		D63	Tiếng Nhật
30 - 42	D01		D06	Tiếng Nhật	D14		D63	Tiếng Nhật
60 - 82	D01		D14		DD2	Tiếng Hàn	DH5	Tiếng Hàn
20 - 28	C00		D01		D14		D15	
40 - 55	C00		D01		D14			
24 - 33	C00		D01		D14			
28 - 39	D01		D14		D15			
22 - 31	A01		C00		D01		D14	
26 - 36	A01		C00		D01		D14	
26 - 36	C00		D01		D14		D15	
24 - 33	C00		D01		D14			
38 - 53	A01		C00		D01		D14	
36 - 50	C00		D01		D14		D15	
48 - 66	C00		D01		D14		D15	

41	ĐH	7810103_CLC	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành_ Chuẩn quốc tế	100		24 - 33	C00		D01		D14		D15
42	ĐH	7310601	Quốc tế học (Dự kiến)	100		20 - 28	D01		D09		D14		D15
43	ĐH	7229039	Nghệ thuật học (Dự kiến)	100		20 - 28	C00		D01		D14		
44	ĐH	7310615	Kinh doanh thương mại Hàn Quốc (Dự kiến)	100		20 - 28	D01		D14		DD2		DH5
45	ĐH	7140101	Giáo dục học	301;	Tuyển thăng và Phương thức do ĐHQG- HCM và Trường quy định	12 - 18	B00		C00		C01		D01
46	ĐH	7140114	Quản lý giáo dục	302;		8 - 13	A01		C00		D01		D14
47	ĐH	7220201	Ngôn ngữ Anh	303;		36 - 55	D01						
48	ĐH	7220201_CLC	Ngôn ngữ Anh_ Chuẩn quốc tế	500		21 - 33	D01						
49	ĐH	7220202	Ngôn ngữ Nga			10 - 15	D01		D02				
50	ĐH	7220203	Ngôn ngữ Pháp			13 - 20	D01		D03				
51	ĐH	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc			25 - 39	D01		D04				
52	ĐH	7220204_CLC	Ngôn ngữ Trung Quốc_ Chuẩn quốc tế			12 - 19	D01		D04				
53	ĐH	7220205	Ngôn ngữ Đức			8 - 13	D01		D05				
54	ĐH	7220205_CLC	Ngôn ngữ Đức_ Chuẩn quốc tế			7 - 10	D01		D05				
55	ĐH	7220206	Ngôn ngữ Tây Ban Nha			8 - 13	D01		D03		D05		
56	ĐH	7220208	Ngôn ngữ Italia			8 - 13	D01		D03		D05		
57	ĐH	7229001	Triết học			8 - 13	A01		C00		D01		D14
58	ĐH	7229009	Tôn giáo học			8 - 13	C00		D01		D14		
59	ĐH	7229010	Lịch sử			16 - 25	C00		D01		D14		
60	ĐH	7229020	Ngôn ngữ học			13 - 20	C00		D01		D14		
61	ĐH	7229030	Văn học			20 - 32	C00		D01		D14		
62	ĐH	7229040	Văn hóa học			14 - 22	C00		D01		D14		
63	ĐH	7310206	Quan hệ quốc tế			20 - 30	D01		D14				
64	ĐH	7310206_CLC	Quan hệ quốc tế_ Chuẩn quốc tế			15 - 23	D01		D14				

65	ĐH	7310301	Xã hội học
66	ĐH	7310302	Nhân học
67	ĐH	7310401	Tâm lý học
68	ĐH	7310403	Tâm lý học giáo dục
69	ĐH	7310501	Địa lý học
70	ĐH	7310608	Đông phương học
71	ĐH	7310613	Nhật Bản học
72	ĐH	7310613_CLC	Nhật Bản học Chuẩn quốc tế
73	ĐH	7310614	Hàn Quốc học
74	ĐH	7310630	Việt Nam học
75	ĐH	7320101	Báo chí
76	ĐH	7320101_CLC	Báo chí_Tăng cường tiếng Anh
77	ĐH	7320104	Truyền thông đa phương tiện
78	ĐH	7320201	Thông tin – thư viện
79	ĐH	7320205	Quản lý thông tin
80	ĐH	7320303	Lưu trữ học
81	ĐH	7340406	Quản trị văn phòng
82	ĐH	7580112	Đô thị học
83	ĐH	7760101	Công tác xã hội
84	ĐH	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
85	ĐH	7810103_CLC	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành_ Chuẩn quốc tế
86	ĐH	7310601	Quốc tế học (Dự kiến)
87	ĐH	7229039	Nghệ thuật học (Dự kiến)
88	ĐH	7310615	Kinh doanh thương mại Hàn Quốc (Dự kiến)

24 - 38	A00		C00		D01		D14	
10 - 15	C00		D01		D14			
20 - 32	B00		C00		D01		D14	
8 - 13	B00		B08		D01		D14	
16 - 24	A01		C00		D01		D15	
28 - 44	D01		D04		D14			
16 - 25	D01		D06		D14			
12 - 19	D01		D06		D14			
24 - 38	D01		D14		DD2		DH5	
8 - 13	C00		D01		D14		D15	
16 - 25	C00		D01		D14			
10 - 15	C00		D01		D14			
12 - 18	D01		D14		D15			
9 - 14	A01		C00		D01		D14	
11 - 17	A01		C00		D01		D14	
11 - 17	C00		D01		D14			
10 - 15	C00		D01		D14			
16 - 24	A01		C00		D01		D14	
15 - 23	C00		D01		D14			
20 - 30	C00		D01		D14			
10 - 15	C00		D01		D14			
8 - 13	D01		D09		D14		D15	
8 - 13	C00		D01		D14			
8 - 13	D01		D14		DD2		DH5	

89	ĐH	7140101	Giáo dục học	401	xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG- HCM tổ chức năm 2024
90	ĐH	7140114	Quản lý giáo dục	401	
91	ĐH	7220201	Ngôn ngữ Anh	401	
92	ĐH	7220201_CLC	Ngôn ngữ Anh Chuẩn quốc tế	401	
93	ĐH	7220202	Ngôn ngữ Nga	401	
94	ĐH	7220203	Ngôn ngữ Pháp	401	
95	ĐH	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	401	
96	ĐH	7220204_CLC	Ngôn ngữ Trung Quốc Chuẩn quốc tế	401	
97	ĐH	7220205	Ngôn ngữ Đức	401	
98	ĐH	7220205_CLC	Ngôn ngữ Đức Chất lượng cao	401	
99	ĐH	7220206	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	401	
100	ĐH	7220208	Ngôn ngữ Italia	401	
101	ĐH	7229001	Triết học	401	
102	ĐH	7229009	Tôn giáo học	401	
103	ĐH	7229010	Lịch sử	401	
104	ĐH	7229020	Ngôn ngữ học	401	
105	ĐH	7229030	Văn học	401	
106	ĐH	7229040	Văn hóa học	401	
107	ĐH	7310206	Quan hệ quốc tế	401	
108	ĐH	7310206_CLC	Quan hệ quốc tế Chuẩn quốc tế	401	
109	ĐH	7310301	Xã hội học	401	
110	ĐH	7310302	Nhân học	401	
111	ĐH	7310401	Tâm lý học	401	
112	ĐH	7310403	Tâm lý học giáo dục	401	
113	ĐH	7310501	Địa lý học	401	
114	ĐH	7310608	Đông phương học	401	
115	ĐH	7310613	Nhật Bản học	401	
116	ĐH	7310613_CLC	Nhật Bản học Chuẩn quốc tế	401	

25 - 35								
18 - 25								
77 - 110								
46 - 65								
21 - 30								
28 - 40								
55 - 78								
27 - 38								
18 - 25								
14 - 20								
18 - 25								
18 - 25								
18 - 25								
18 - 25								
35 - 50								
28 - 40								
44 - 63								
30 - 43								
42 - 60								
32 - 45								
53 - 75								
21 - 30								
44 - 63								
18 - 25								
34 - 48								
62 - 88								
35 - 50								
27 - 38								

117	ĐH	7310614	Hàn Quốc học	401
118	ĐH	7310630	Việt Nam học	401
119	ĐH	7320101	Báo chí	401
120	ĐH	7320101_CLC	Báo chí_Tăng cường tiếng Anh	401
121	ĐH	7320104	Truyền thông đa phương tiện	401
122	ĐH	7320201	Thông tin – thư viện	401
123	ĐH	7320205	Quản lý thông tin	401
124	ĐH	7320303	Lưu trữ học	401
125	ĐH	7340406	Quản trị văn phòng	401
126	ĐH	7580112	Đô thị học	401
127	ĐH	7760101	Công tác xã hội	401
128	ĐH	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	401
129	ĐH	7810103_CLC	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành_ Chuẩn quốc tế	401
130	ĐH	7310601	Quốc tế học (Dự kiến)	401
131	ĐH	7229039	Nghệ thuật học (Dự kiến)	401
132	ĐH	7310615	Kinh doanh thương mại Hàn Quốc (Dự kiến)	401

53 - 75								
18 - 25								
35 - 50								
21 - 30								
25 - 35								
20 - 28								
23 - 33								
23 - 33								
21 - 30								
34 - 48								
32 - 45								
42 - 60								
21 - 30								
18 - 25								
18 - 25								
18 - 25								